

B NG ấ I M H C PH N - M ấ N TH ấ NH PH N

Kh ấ a h c : L p h c : 36CXD3 N ấ m h c : 2012-2013 ấ VHT : 2
(30,0,0,0,0,0)
H ấ T : H c ph n : 122067100709 - Quy ho ch tuy n t ấ nh H c km : HK02

STT	Mí S	L P SV	H Vĩ T c N		NGÀY SINH	ấ I M TH ấ NH PH N						TBC	QUY TS: 30.00%	ấ I M THI	QUY TS : 70.00%	ấ I M TK	GHI CHÚ
						L1	L2	L3	L4	L5	L6						
1	3671030591	36CXD3	Ph m V ấ	Bình	23/02/1994				6.0			6.0	1.8	5.0	3.5	5.3	
2	3671030593	36CXD3	Tr ng Minh	C ng	24/01/1993				5.0			5.0	1.5	0.0	0.0	1.5	
3	3671030654	36CXD3	H Thanh	Duy	09/03/1994				4.5			4.5	1.4	2.5	1.8	3.1	
4	3671030592	36CXD3	Hu ấ nh Thanh	Duy	28/11/1993				2.5			2.5	0.8	0.0	0.0	0.8	
5	3671030530	36CXD3	L ng Xu ấ n	Đ ấ o	03/08/1993				7.0			7.0	2.1	0.0	0.0	2.1	
6	3671030533	36CXD3	Nguy n H u	D ng	25/11/1993				10.0			10.0	3.0	2.5	1.8	4.8	
7	3671030569	36CXD3	Chu Minh	ấ » ng	19/05/1994				5.0			5.0	1.5	6.0	4.2	5.7	
8	3671030717	36CXD3	Lê Quang	Ho ấ ng	25/10/1993				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HP
9	3671032049	36CXD3	Nguy n V ấ	Ho ấ ng	18/05/1994				10.0			10.0	3.0	8.5	6.0	9.0	
10	3671030529	36CXD3	Nguy n Tu n	Ki t	22/09/1994				10.0			10.0	3.0	2.5	1.8	4.8	
11	3671030685	36CXD3	Nguy n Ho ấ ng ấ nh	Kha	10/06/1994				5.3			5.3	1.6	4.0	2.8	4.4	
12	3671030640	36CXD3	B ch Nh	Kh ng	18/12/1992				0.0			0.0	0.0	6.5	4.6	4.6	
13	3671030576	36CXD3	Nguy n	L ấ m	02/05/1994				5.0			5.0	1.5	2.5	1.8	3.3	
14	3671030553	36CXD3	Nguy n H u	Linh	10/09/1994				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HP
15	3671030543	36CXD3	L ấ Nh t	Long	18/10/1994				10.0			10.0	3.0	1.0	0.7	3.7	N HP
16	3671030664	36CXD3	ấ o ấ Th ấ nh	L i	22/05/1994				10.0			10.0	3.0	1.0	0.7	3.7	
17	3671030546	36CXD3	Nguy n Th ấ nh	M n	26/11/1993				4.3			4.3	1.3	3.5	2.5	3.7	
18	3671030600	36CXD3	L ấ V ấ	Nguyên	20/10/1993				3.0			3.0	0.9	5.5	3.9	4.8	
19	3671030624	36CXD3	Lê Công	Nhi u	20/07/1992				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HP

B NG ấI M H C PH N - MĐN THì NH PH N

Kh¹ a h c : L p h c : 36CXD3 N h c : 2012-2013 ấ VHT : 2
(30,0,0,0,0,0)
H ấT : H c ph n : 122067100709 - Quy ho ch tuy n t ấnh H c km : HK02

STT	Mí S	L P SV	H Vĩ T c N		NGÀY SINH	ấI M THì NH PH N						TBC	QUY TS: 30.00%	ấI M THI	QUY TS : 70.00%	ấI M TK	GHI CHÚ
						L1	L2	L3	L4	L5	L6						
20	3671030563	36CXD3	Nguy n B	Nhu n	23/03/1994				3.5			3.5	1.1	4.5	3.2	4.2	
21	3671030662	36CXD3	V ½ V ấ	Quang	01/01/1993				10.0			10.0	3.0	6.5	4.6	7.6	
22	3671030638	36CXD3	Nguy n V ấ	Tu n	13/12/1994				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HP
23	3671030538	36CXD3	Nguy n Minh	Thành	19/10/1993				10.0			10.0	3.0	3.0	2.1	5.1	
24	3671030722	36CXD3	Nguy n Xu a n	Thành	03/07/1994				5.0			5.0	1.5	2.5	1.8	3.3	
25	3671030540	36CXD3	ấ ng	Thái	15/08/1993				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HP
26	3671030626	36CXD3	Tr n Hu ấnh	Thái	25/11/1994				7.0			7.0	2.1	3.5	2.5	4.6	
27	3671030618	36CXD3	Nguy n ấ c	Thi n	29/01/1994				5.0			5.0	1.5	2.5	1.8	3.3	
28	3671030678	36CXD3	D ng Thanh	Xuân	1979				7.0			7.0	2.1	3.5	2.5	4.6	

T ng s : 28 h c sinh sinh vĩ n
Tr ng Khoa
Gi o Vĩ n B M ấn
Tp.HCM, ngày / /
Gi o V Khoa